

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 05 – 01 – 2021.
“V/v tranh chấp: Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Diệp Hồng Châu.

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Kim H, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1962 (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn M, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Kim H trình bày:

Vào ngày 31/3/2019, bà có cho bà Phan Thị T vay số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), lãi suất 1%/tháng. Sau khi vay bà T chỉ đóng lãi được 03 tháng (4,5,6) với số tiền 1.050.000đ (Một triệu, không trăm, năm mươi nghìn đồng). Từ đó cho đến nay bà T chưa thanh toán số tiền nào nữa.

Nay bà Lâm Thị Kim H yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị T phải trả cho bà H 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Đối với số tiền lãi bà H không yêu cầu.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Phan Thị T trình bày:

Bà Phan Thị T thừa nhận từ ngày 31/3/2019, bà có nợ bà Lâm Thị Kim H 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Bà đã đóng lãi được 03 tháng (4,5,6) với số tiền là 1.050.000đ (Một triệu, không trăm năm chục nghìn đồng), kể từ tháng 7 cho đến nay bà chưa trả phần tiền nào cho bà H do làm ăn thất bại nên không có khả năng thanh toán. Bà T đồng ý trả cho bà H số tiền 35.000.000đ. Nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi dứt nợ. Còn số tiền lãi bà T xin bà H không tính.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Lê Văn M trình bày:

Ông Lê Văn M hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của vợ là bà Phan Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) và tính lãi với lãi suất 01%/tháng là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên tại phiên Tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm ông Lê Văn M vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông M.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng vay tài sản giữa hai bên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Việc vay mượn tiền hai bên không có làm giấy tờ chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tại biên bản hòa giải ngày 26/10/2019 của Ban nhân dân ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh S cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà T thừa nhận có nợ bà Lâm Thị Kim H số tiền là 35.000.000 đồng.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Bà H đã thực hiện đúng nghĩa vụ của người cho vay được quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự. Còn bà T sau khi vay tiền

đã không thực hiện đúng như đã thỏa thuận. Như vậy bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Tài liệu, chứng cứ chứng minh: Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định bà Phan Thị T còn nợ bà Lâm Thị Kim H số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) là sự thật phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó bà H yêu cầu Tòa án buộc bà T hoàn trả số tiền còn nợ là có căn cứ. Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 1 Điều 468: "...1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác..." Như vậy bà H yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng từ tháng 7 đến nay là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên Tòa bà H có sự thay đổi về yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà T phải trả số tiền lãi mà chỉ yêu cầu trả số tiền còn nợ là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng). Sau khi nghe Hội đồng xét xử phân tích, động viên, giải thích về pháp luật thì bà Lâm Thị Kim H với bà Phan Thị T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Đối với ông Lê Văn M (chồng bà T). Quá trình giải quyết vụ án, bà T cho biết việc vay mượn tiền với mục đích lấy vốn buôn bán làm ăn nhằm phục vụ cuộc sống chung của cả gia đình. Như vậy theo Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng và vợ hoặc chồng phải có nghĩa vụ chung về tài sản (Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình). Mặc dù ông M không trực tiếp vay mượn tiền nhưng ông M cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng với vợ là bà T hoàn trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án ông M cũng đồng ý cùng với vợ là bà T trả nợ.

[5] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: "Trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó...". Như vậy các đương sự vẫn phải chịu án phí theo quy định chung.

[6] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 463, Điều 465 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

2/ Bà Lâm Thị Kim H với vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M thỏa thuận như sau:

- Vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M có nợ bà Lâm Thị Kim H số tiền nợ là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

- Về tiền lãi: Bà Lê Thị Kim H không yêu cầu tính lãi.

- Về thời gian và cách thức thanh toán: Mỗi tháng vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M có nghĩa vụ liên đới trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho bà Lâm Thị Kim H cho đến khi dứt nợ. Thời gian thanh toán là ngày 05 hàng tháng. Thời điểm thanh toán kể từ ngày 05/02/2021 (Nếu ngày thanh toán ngay ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ thì được tính vào ngày làm việc tiếp theo).

Nếu đến thời hạn thanh toán mà vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M không thanh toán được cho bà Lâm Thị Kim H và bà H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M còn phải liên đới trả lãi cho bà H theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

- Địa điểm giao nhận tiền: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Kim H với vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M thống nhất như sau:

- + Vợ chồng bà Phan Thị T, ông Lê Văn M liên đới nộp 875.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

- + Bà Lâm Thị Kim H nộp 875.000đ. Nhưng bà H được khấu trừ 971.250đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/ 0005707 ngày 19/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà H được nhận lại số tiền thừa là 96.250đ (Chín mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng ông M được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng